

NGÔN NGỮ TẠO HÌNH TRONG TRANH DÂN GIAN LÀNG SÌNH - KẾ THỪA VÀ SÁNG TẠO

Trần Sông Lam, Phan Thanh Bình*

Làng Sình (Lại Ân) thuộc xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, cách thành phố Huế khoảng 9km về phía đông. Đây là một làng cổ nổi tiếng với chùa Sùng Hóa từng được ghi trong *Ô Châu cận lục* của Dương Văn An từ 400 năm trước. Ngoài sản xuất nông nghiệp làng Sình có những nét văn hóa rất lạ và riêng như có chùa Phật và nhà thờ, có người gốc Hoa xen kẽ trong nhóm người Việt, có lễ hội vật đầu xuân hàng năm, có nghề in tranh thờ cúng, có nghề làm hương, làm hạt bông để cúng. Tranh thờ cúng làng Sình, đặc biệt là tranh thế mạng là một hình thức cúng tế cầu an, giải hạn, khấn cầu thần linh phù hộ rất phổ biến trong vùng cư dân văn minh lúa nước. Loại tranh này có mặt len lỏi trong đời sống dân gian không chỉ ở Thừa Thiên Huế mà còn được dùng trong những lễ nghi cúng tế ở nhiều miền quê thuộc các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi... Tuy nhiên tranh thờ làng Sình được phổ biến nhiều nhất là ở Huế. Xưa kia cũng có khi chúng đã được các bà, các cô đưa vào trong cung cấm, nơi vẫn có một phần riêng bé nhỏ các lễ cúng tế cầu tự dân gian do các bà tổ chức một cách kín đáo bên cạnh các nghi lễ chính thống của cung đình.

Trong các dịp Festival Huế 2004, 2006, 2008, với sự tài trợ của Ban tổ chức Festival, một nhóm nghiên cứu mỹ thuật trong và ngoài nước đã phục dựng và giới thiệu một phần nghề in tranh thờ dân gian làng Sình nhằm giới thiệu cái hay, cái đẹp và những giá trị nghệ thuật đích thực của một nghề thủ công truyền thống đã tồn tại và lưu dấu hơn 400 năm qua. Các cuộc phục dựng này dẫu chưa thể đầy đủ và toàn diện nhưng đây thực sự là cơ hội để cho các nghệ nhân làng Sình lần đầu được tiếp xúc, giao lưu rộng rãi với xã hội và tự in tranh, tự quảng bá du lịch về làng nghề của mình, đồng thời biết cách tham gia bảo tồn, phục dựng các hoạt động văn hóa nói chung và nghề in tranh nói riêng để phục vụ đời sống văn hóa đương đại của cộng đồng. Bước đầu nhóm nghiên cứu cùng 10 nghệ nhân đã tạo dựng nên một không gian mới của dòng tranh dân gian làng Sình, để người ta nhìn thấy bên cạnh yếu tố thờ cúng là những phẩm chất văn hóa quý giá, những ý nghĩa nhân văn sâu sắc, làm cho những giá trị tâm linh- nghệ thuật trở nên tỏa sáng hơn trong dòng chảy văn hóa của dân tộc, quê hương xứ Huế. Qua các kỳ Festival, bằng các tác nghiệp mang đậm chất liệu thủ công, trực tiếp và bình dị ở mỗi nghệ nhân, cuộc trưng bày, phục dựng cũng góp phần kêu gọi cộng đồng chung sức bảo tồn những giá trị văn hóa dân gian của xứ Huế nói chung và giá trị văn hóa nghệ thuật của làng Sình nói riêng. Hướng sự chú ý quan tâm của cộng đồng về việc giữ gìn bảo vệ những giá trị văn hóa tinh thần của người dân xứ Huế trong các làng xã. Góp phần tinh

* Trường Đại học Nghệ thuật Huế.

lọc những yếu tố tâm linh, thờ cúng và hướng đến phục vụ văn hóa, du lịch và mở rộng sự biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật của tranh thờ trong đời sống thẩm mỹ ngày nay.



Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước đang khắc tranh

Đáng chú ý là các hoạt động của nhóm nghệ nhân trong chương trình Festival 2004. Nhóm gồm 10 nghệ nhân với các độ tuổi khác nhau, có tay nghề, có sự say mê và am hiểu, có kỹ năng in tranh, tô màu để phục dựng một quy trình in tranh trong một không gian lễ hội làng nghề truyền thống. Nghệ nhân Kỳ Hữu Phước năm nay ngoài 60 tuổi cùng với vợ và con trai tham gia phục dựng in tranh, ông Phước không chỉ in, tô màu mà cũng là một trong những nghệ nhân hiếm hoi còn biết chế tác bản khắc, ông cũng là người mạnh dạn cho con cháu nội ngoại tham gia tô màu, in tranh tại quê nhà khi các cháu nghỉ hè. Bước đầu chỉ với 25 bản khắc gỗ từ nhỏ đến lớn, với nhiều đề tài, cấu trúc hình tượng đã được phục dựng thao tác sản xuất tranh. Toàn

bộ các bản khắc đều thuộc tài sản được giao lại trưng bày tại văn phòng Festival Huế sau khi Festival kết thúc. Như vậy đây là lần đầu tiên thành phố có chủ trương sưu tập các bản khắc gỗ dân gian ở Huế nhằm lưu giữ các giá trị văn hóa-thẩm mỹ và phục vụ cho việc tiếp tục nghiên cứu, phục vụ nhu cầu tìm hiểu văn hóa-du lịch của tỉnh nhà.



Khách du lịch tham quan tranh làng Sinh Đoàn GS Đại học Malboro (Mỹ) in tranh Sinh

Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật, du khách trong và ngoài nước đã tỏ ra thích thú và dành nhiều thiện cảm cho tranh dân gian làng Sinh. Họa sĩ Nhật Bản T. Hanaghaki đã chọn tất cả các bản in đen trên nền giấy dó với một sự thích thú và trân trọng. GS, TS Ngô Đức Thịnh, Ủy viên Hội đồng di sản văn hóa quốc gia đã dành cả tiếng đồng hồ trong thời gian hiếm hoi của ông để tìm hiểu và sưu tập một bộ tranh Sinh khá đầy đủ. Ông cũng nhắc đến việc cần bảo tồn nghề in tranh một cách hiệu quả và phù hợp

nhất trong một hội thảo về văn hóa Huế được tổ chức trong khuôn khổ Festival. Chính sự biểu lộ các giá trị đích thực của một dòng tranh dân gian quý hiếm ở Huế và cả miền Trung mà năm 2008, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã tổ chức nghiên cứu, sưu tập một số lượng đáng kể các bản khắc và tranh cổ trong bộ sưu tập tranh dân gian Việt Nam của Bảo tàng.

*

* *

Tranh dân gian làng Sinh là dòng tranh phục vụ cho việc thờ cúng với hình tượng mang tính tượng trưng, đường nét, mảng khối đơn giản nhưng thể hiện được nội dung tâm linh sâu sắc. GS, TS Phạm Đức Dương viết về vấn đề này như sau: “Thế giới tâm linh của cư dân Đông Nam Á được xây dựng trên quan niệm “Vạn vật hiển linh” (mọi vật đều có linh hồn như con người). Những linh hồn này tạo thành thế giới thần linh. Đây là thế giới vô hình nhưng lại có vô vàn năng lực siêu việt và thường xuyên tác động đến con người theo hai chiều thuận - nghịch, lành dữ. Do đó con người đã thần thánh hóa những ma lực đó dưới hình thức các biểu tượng và thờ phụng các thần linh để được che chở” [1: 96]. Một trong những hình thức thờ phụng, cầu an là thông qua tâm niệm từ các tranh thờ để gửi gắm và cầu mong mọi sự an bình. Tranh dân gian Sinh có những yếu tố thẩm mỹ quý giá cần tiếp thu và kế thừa trong sáng tác tranh hiện đại để tạo ra một giá trị nghệ thuật với chất liệu mới, vừa hiện đại vừa có tính truyền thống dân tộc.

Nội dung chính yếu của tranh dân gian làng Sinh là tranh thế mạng với các tranh (Con ảnh) đàn ông, đàn bà với nhiều bậc tuổi, có cả tranh trẻ em nam nữ. Ngoài ra còn có tranh các con giáp, tranh về vật nuôi như trâu, bò, heo... là loại tranh dán ở chuồng trại khi vật nuôi đau ốm. Những tranh Bà (Tượng Bà), tranh ông Tra Diệu, tranh bếp (Tờ bếp)... rõ ràng rất gần với tranh thờ miền núi phía Bắc. Ngoài trừ tranh Bà dán lên tường cuối năm mới đốt, còn lại tất cả tranh khác đều đốt cùng với vàng bạc, hàng mã khi cúng xong. Trong các bộ tranh thì bộ tranh cúng thế mạng đặc sắc hơn cả bởi ý nghĩa tâm linh và giá trị tạo hình trong đó.

Nhiều người tin rằng khi ốm đau đã chạy chữa nhưng không khỏi, hay có báo mộng hoặc có xảy ra chuyện không bình thường, đi xem bói hoặc thầy cúng thường giải thích rằng có vị thánh thần hay nhân thần cụ thể nào đó dưới âm ty có quan hệ muốn bắt mang đi, nên cần thiết phải cúng thế ảnh. Ảnh nam dùng cho con trai chưa có gia đình nhưng đã đến tuổi trưởng thành, tức đã qua 16 tuổi theo quan niệm phương Đông “*nữ thập tam, nam thập lục*” là ranh giới của tuổi trưởng thành. Ảnh nữ dùng cho con gái chưa chồng trên 13 tuổi. Cúng thế ảnh nam hoặc nữ có nghĩa là bản thân con người nam hoặc nữ xuống hầu hạ một vị thần hoặc một ác quỷ nào đó!

1. Ảnh nam: Vẽ hình người đàn ông mặc áo dài đen với trang phục “*y càn chỉnh túc*” tức là khăn áo phải đàng hoàng. Có thể nói đây là một trong những bức không bị ảnh hưởng phong cách các vùng khác, vẫn còn giữ phong vị xưa của lối vẽ làng Sinh, hình rất mộc mạc, có điểm ít vạch màu phóng khoáng. Ảnh nam được cúng kèm theo ngựa.

2. Ảnh nữ: Vẽ người đàn bà tay cầm quạt, đầu đội khăn hoặc tết hoa, mặc áo thụng, cúng cho người nữ chưa chồng trên 13 tuổi khi vận hạn và gặp chuyện tai ương. Ảnh này cũng có thể cúng đầu năm cùng với bộ cúng gia tiên. Xưa kia loại này được thể hiện với nhiều phong cách khác nhau. Loại được làm từ làng Sinh với phong cách mộc mạc, chất phác, dáng lùn. Loại được làm ra tại các vùng khác có màu sắc tươi tắn hơn, hình được kéo dài với gương mặt thanh tú không còn chất thôn quê mộc mạc của làng Sinh nữa. Một loại khác được vẽ lại cẩn thận, bôi màu kín hình, từng chi tiết được vẽ một cách kỹ càng cẩn thận cho cả nét hình và màu. Loại này được chụp lại đưa vào xưởng in, sản xuất hàng loạt.



Các mẫu tranh nữ trong bộ tranh thế mạng làng Sinh

Trong hai loại ảnh nam và ảnh nữ, chỉ có ảnh nữ được thể hiện nhiều phong cách và in nhiều hơn. Chúng tỏ nhu cầu tiêu dùng có phần lớn hơn. Cũng dễ hiểu, “con trai thì cương cường, đàn bà thì mềm yếu” và hay gặp tai ương như cách nghĩ thông thường trong dân gian.

3. Ảnh con nít trai được vẽ tay cầm bút, đầu trần, chân đất, mặc áo dài, nét vẽ đơn sơ điểm đôi vạch màu. Ảnh này cúng cho con trai dưới 16 tuổi khi xảy ra chuyện ngộ nghịch hoặc đau ốm...

4. Ảnh con nít gái vẽ người cầm hoa, đầu trần, chân đất, trang phục áo dài hoa. Nét màu, hình đều thô sơ, mộc mạc như hình của ảnh con nít trai. Con gái dưới 13 tuổi khi xảy ra chuyện chẳng lành thì gia đình mua ảnh về cúng kèm với bộ cúng Quan sát.

Ảnh con nít được cúng chung với bộ đồ cúng cho con nít tức bộ cúng Quan sát. Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi gia đình dù giàu hay nghèo đều thường có sự lo lắng đối với trẻ con. Mối lo lắng càng tăng lên trong những gia đình nghèo khó. Chính vì vậy, người ta nghĩ đến nguyên nhân của những tai ương bất ngờ lại do một lực lượng siêu nhiên nào đó muốn đến bắt đứa trẻ và họ đã tưởng tượng ra hàng loạt những vị thần khi mang phúc, khi mang họa nên phải cúng bái cầu đảo. Những bức trong bộ cúng Quan sát có nội dung và hình thức như sau.

5. Bà Càn Thát trên cây chiêng đàn: Có thầy cúng gọi là cây Bà La Sát. Trong buổi hồng hoang sơ tạo có cây chiêng đàn. Bà Càn Thát trên cây chiêng đàn được thể hiện xơ tóc, mặc áo đỏ. Đây có lẽ là biểu hiện tục thờ Mẫu của người Việt và bà Càn Thát phải chăng là bà Chúa Xứ hay bà chúa Thượng Ngàn?

Ở góc độ khác người ta tin rằng trên các cây cổ thụ có các bà Cô cư ngụ. Phải chăng bà Càn Thát cũng là một loại bà Cô hay nhân thần nào đó? Bà

Càn Thát mặc áo đỏ bế đứa trẻ, vẻ mặt hiền từ. Bà thường sai ông Tướng đi bắt trẻ con, vì thế người ta phải cúng bái để cầu xin bà tha cho. Kích thước tờ tranh rất to trong số những tranh cúng làng Sinh.

6. Ông Phạm Thiên Vương: Có thầy cúng nói rằng ông La Sát là phò mã và là chồng bà Càn Thát. Ông sẽ làm vua nên mặc áo hoàng bào có vẽ rồng. Bà Càn Thát cũng là công chúa con vua trong thế giới của vương quốc siêu nhiên nào đó. Dù sao thì ông Phạm Thiên Vương và bà Càn Thát có uy lực lớn nên việc cúng lễ ông bà để bảo trợ con trẻ là điều cần thiết.

7. Bà Càn Thát: Vẽ hình người phụ nữ mặc áo đỏ bế trẻ nhỏ. Bà là vợ của ông Phạm Thiên Vương, có nhiệm vụ trông nom trẻ nhỏ và thường sai ông Tướng đi bắt trẻ. Bà là công chúa của một vương quốc dưới cõi âm rất thích trẻ con nên cần phải cúng cho những đứa trẻ trên dương gian tránh được sự quan tâm của bà.

8. Ông Tướng bắt trẻ: Dáng oai phong, tay cầm khí giới, chân co, chân duỗi đang trong một tư thế võ. Trước kia tờ tranh ông Tướng bắt trẻ cũng được vẽ lại tô màu cẩn thận, được in hàng loạt, không còn cái mộc mạc của phong cách làng Sinh nữa mà trở thành ông Tướng với phong cách thị thành.

9. Thập nhị thân: Vẽ 12 con vật tương ứng với 12 năm trong một giáp như 12 vị Hành khiển chăm sóc trẻ nhỏ. Loại tranh này cũng có bố cục khác nhau. Một loại tranh được in nét đen chia làm 3 hàng, mỗi hàng 4 con vật theo thứ tự: Chuột, Trâu, Hổ, Mèo, Rồng, Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Heo. Lối in nét đơn giản trên khổ giấy lớn hơn so với những loại tranh khác và không có tô màu. Còn một loại nữa được bố cục 12 con vật theo hình tròn xoay quanh một trục và tâm là hình mặt trời có 12 cánh.

Ở Trung Quốc cũng có 12 con vật được phối hợp với nhau trong tư thế sinh động thành tờ tranh lịch 12 con giáp. Người ta sử dụng nó để tính ngày giờ tốt xấu và hướng xuất hành chứ không có cùng ý nghĩa như tranh cúng làng Sinh. Trong đêm giao thừa, dân Việt Nam có cúng Trời, cúng ông Hành khiển coi việc thế gian. Mỗi lần đó cúng lễ để tiễn ông Hành khiển cũ và đón ông Hành khiển mới nhậm chức trông coi năm mới. Trong mỗi năm chỉ có một ông cai quản. Nếu vị nào chăm chỉ thì pháp luật nghiêm minh, xã hội an bình, gia đình hạnh phúc. Nếu vị đương nhiệm nào lơ là, lười biếng, thiếu trách nhiệm trông coi thì năm đó mất mùa, bệnh tật, chiến tranh, trộm cướp, cuộc sống của nhân dân lao đao. Vì vậy, người ta cần phải cúng để tăng phần gia ân của vị thần Hành khiển năm mới dẹp quỷ, an dân, lấy lại kỷ cương toàn xã hội. Cũng không hiểu tại sao Thập nhị thân không thuộc bộ cúng gia tiên đầu năm mà nằm trong bộ cúng cho con nít. Phải chăng người ta sợ thần dễ lơ là việc chăm sóc trẻ con vì bận nhiều chuyện thế gian?

*

* *

Tranh dân gian làng Sinh với nét màu đen chủ đạo, hay những sắc màu tươi rói và cả những gam màu trầm ấm làm chủ đạo biến hóa, đôi khi điểm xuyết thêm những phương pháp tạo hình hiện đại, kết hợp từ dân gian

với nét, mảng, chất liệu màu phẳng, gồ ghề giàu sức biểu cảm..., tạo ra nét riêng biệt trong cách thể hiện. Một cái nhìn mới về truyền thống có thể là từ những cảm nhận về đề tài. Trong bài *Tranh khắc gỗ dân gian Huế*, tác giả Chu Quang Trứ viết: “Tranh dân gian Huế có nhiều bộ, có bộ chỉ một bức, có bộ dăm mười bức, có bộ khoảng 20 bức. Đó là con số hàm chứa một sự tích tụ sáng tạo nghệ thuật phong phú. Bỏ đi cái áo khoác tôn giáo, những hình tượng trên tranh là sự phản ánh bằng nghệ thuật cái hiện thực của cuộc sống xã hội của cư dân cày cuốc” [3: 138]. Trong thời đại mà một số người đua nhau đi tìm cái mới, cái lạ mắt, hướng ngoại nhiều hơn thì tranh Sinh lại đưa các họa sĩ trở về cái bình dị vốn có của nó, trong quá trình đó họ tìm thấy ở tranh dân gian làng Sinh sự thích ứng và xúc cảm thẩm mỹ đối với sáng tạo nghệ thuật và muốn tạo ra hình tượng nghệ thuật mới, đề tài mới làm nguồn cảm hứng trong sáng tác. Gần đây đã có một số họa sĩ Việt Nam, Thái Lan sáng tác tranh mới từ cảm hứng tranh Sinh như họa sĩ Nguyễn Quân (TPHCM) đã sáng tác một loạt tranh cỡ lớn 2x3m, 1x3m từ sự “cắt dán” tạo hình trong tranh Sinh và đã triển lãm các tác phẩm này tại Triển lãm Mỹ thuật Việt Nam ở Singapore năm 2008. Trước đó là sự xuất hiện dấu ấn tranh Sinh trong tranh của các họa sĩ Lê Hữu Nguyên, Vĩnh Phối, Nguyễn Đức Huy, Trương Bé, Lê Đình Thuận (Huế) với những thành công đã được khẳng định trong Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc 2005, Triển lãm khu vực bắc miền Trung 2000, 2003, 2007. Một số họa sĩ Thái Lan đến Huế đã vẽ theo phong cách tranh Sinh và thành công như họa sĩ Surapon (Bangkok), Charawand (Chang Mai), Thicheps (Burapha)..

Về mặt nghệ thuật tranh thờ làng Sinh nổi bật ở cấu trúc đường nét, đó là yếu tố tạo hình cơ bản và sinh động nhất mà người nghệ nhân làng Sinh sáng tạo nên. Nét trong tranh thờ làng Sinh không trau chuốt, tinh nhã, sang trọng như tranh thờ Hàng Trống mà bình dị, chân chất và lay động. Ở mỗi đường nét đều hiện lên cảm xúc thẩm mỹ sâu lắng và niềm tin tâm linh sâu sắc, đây là điều rất khác biệt về ý niệm nghệ thuật-tâm linh của loại tranh này. Màu sắc tranh không thật giữ vị trí quan trọng, có thể xưa kia là một ngũ sắc nào đó, nhưng với những bản in từ đầu thế kỷ và nay thì ta thấy hệ màu cũng đơn giản hơn nhiều, yếu tố ngũ sắc không còn chủ đạo vì tự thân tạo hình của các bản khắc và các bản in đen trắng cũng đã hội đủ các giá trị tạo hình của cái đẹp mang tính đồ họa. Chính vì vậy trong một số thử nghiệm và trao đổi văn hóa gần đây giữa Trường Đại học Nghệ thuật Huế với các trường mỹ thuật Thái Lan, các bản in nét đen đã thực sự tạo nên cảm quan thẩm mỹ mới lạ, không chỉ làm cho các họa sĩ trong nước vốn tưởng đã quá quen thuộc với tranh khắc dân gian cũng ngạc nhiên mà còn làm cho các bạn họa sĩ nước ngoài thán phục, bày tỏ sự thích thú đặc biệt.

Tranh dân gian làng Sinh lấy đường nét làm cơ sở tạo hình cơ bản, không đi sâu vào miêu tả đường nét kỹ càng, tỉ mỉ mà nét trong tranh làng Sinh rất đơn giản, góp phần tạo mảng khối rõ ràng. Tranh làng Sinh chú trọng đến bố cục, đường nét, đường nét được xem là dáng, với bố cục theo lối ước lệ, thuận mắt. Trong tranh dân gian làng Sinh ta thấy chủ yếu là sử dụng những bố cục đối xứng, song song, cân đối đơn giản, nhân vật luôn ở

giữa tranh, vừa to nổi bật như các tranh Môn thần, Tranh bếp, Ảnh nữ, Ảnh nam, Bát âm, Mười hai con giáp..

Bố cục tranh dân gian làng Sình là nhịp điệu hài hòa cả về hình lẫn sắc, bố cục hồn nhiên của nghệ thuật dân gian, bỏ dần chiều sâu của khung cảnh, bố trí nhân vật táo bạo, tranh dân gian dựa trên hình mảng khái quát, hình tượng hội họa được cụ thể hóa bằng cách điển hình các sự vật tạo ra dáng những con người và cảnh vật, ghi chép lại những hình ảnh giới tự nhiên, làm sống lại những trí tưởng tượng bằng bàn tay khéo léo của người nghệ nhân, họ đã tạo ra được những hình tượng hội họa mang tính chiều sâu của đời sống tâm linh.

Từ việc nghiên cứu cấu trúc đường nét, màu sắc của tranh dân gian làng Sình, các họa sĩ trẻ Huế đã tìm ra quy luật tạo hình, tạo mảng tạo khối và nhịp điệu bố cục trong tranh dân gian làng Sình. Từ đó vận dụng sáng tạo ra các mẫu tranh về đời sống văn hóa, lễ hội và những giá trị truyền thống khác ở làng Sình. Nổi bật trong các sáng tạo đó là tranh “Bịt mắt bắt dê nam”, “Bịt mắt bắt dê nữ”, “Kéo co nam”, “Kéo co nữ”, hai mẫu “Bài chòi”, và bốn thể đấu vật, trong đó có bốn mẫu được Ban tổ chức Festival Nghệ truyền thống Huế 2009 lựa chọn đầu tư để tạo dựng mẫu tranh mới, đó là những mẫu: Đấu vật, Bịt mắt bắt dê nam, Bài chòi, Kéo co nam. Những bức tranh này được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu các đặc trưng thẩm mỹ cũng như những sắc thái văn hóa truyền thống của dân làng Lại Ân. Nghĩa là không tạo ra sản phẩm mới hoàn toàn cách ly với đời sống văn hóa của người dân ở đây mà đã căn cứ vào những hiện tượng văn hóa cụ thể, những giá trị văn hóa được thừa nhận để làm nền tảng cho việc sáng tạo.

Sau đây chúng tôi xin trình bày về các cấu trúc tranh và hiệu quả vận dụng tranh làng Sình trong 4 sáng tác mới nói trên



Đấu vật, phóng tác tranh dân gian làng Sình.
Sáng tác mới của tác giả Trần Sông Lam

1. *Đấu vật*: Là một trò chơi có từ lâu đời, một nét đặc trưng văn hóa nổi bật của làng Lại Ân được lưu truyền từ xa xưa cho đến nay, thường tổ chức vào dịp đầu xuân. Trong tranh đấu vật các chàng trai làng Sình khỏe mạnh rắn rỏi, cuộn cuộn cơ bắp đang thực hiện các thế võ linh hoạt. Các hoạt động của bàn tay, bàn chân, kết hợp với sắc thái khuôn mặt để tạo nên một sức mạnh khỏe khoắn, linh hoạt và thể hiện được tinh thần thượng võ của các chàng trai ở làng Lại Ân. Để làm nét bức

tranh này chúng tôi đã tham khảo rất nhiều tranh làng Sình, có nhiều cuộc trò chuyện cùng nghệ nhân Kỳ Hữu Phước. Đề tài trong tranh đấu vật này rất gần với tranh Môn thần trong tranh dân gian làng Sình, nét khỏe khoắn và

chắc nịch bất nhịp cùng với nét chung này là sự kết hợp với cách nhìn của dân gian theo lối ước lệ tượng trưng.

2. *Tranh bài chòi*: Áp dụng luật viên cân mới nhằm trình bày sự diễn biến của sự vật về hình thể và đường nét từ gần đến xa. Giải quyết tương quan về đường nét của những vật cùng thể loại cùng khuôn khổ ở vào những vị trí xa gần khác nhau trong không gian, đồng thời kết hợp với lối nhìn ước lệ trong tranh làng Sình tạo nên một bố cục tranh bài chòi hài hòa cân xứng, những chòi không vẽ quá to kết hợp với lối nhìn xa gần mới, áp dụng cho tỷ lệ người để tạo ra sự thuận mắt trong tranh. Vì vậy nó có âm sắc trong tranh dân gian làng Sình ở hình, nét, màu nhưng lại mang sắc thái mới.



Bài chòi, phóng tác tranh dân gian làng Sình. Sáng tác mới của tác giả

3. *Bộ tranh bịt mắt bắt dê*: Gồm có bịt mắt nam và bịt mắt nữ. Đây là đề tài tranh đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong dòng tranh làng Sình, không những phát huy và lưu giữ những trò chơi trong dân gian mà còn có tác dụng rất lớn trong việc nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ. Bộ tranh thể hiện nổi bật được đề tài qua nét màu và bố cục, tạo ra được cái mới của bức tranh trên cái nền của tranh dân gian làng Sình.

4. *Bộ tranh kéo co*: Bộ tranh kéo co vừa đáp ứng được yếu tố dân gian vừa tạo ra cái mới lạ trong việc kết hợp luật xa gần và cấu trúc hình họa, tỷ lệ người nhằm thể hiện được sức mạnh chung của tập thể, sự đoàn kết sức mạnh cơ bắp trong lúc kéo co được thể hiện ở bàn tay bàn chân khỏe chắc và chứa đựng được nét mới của nghệ thuật tranh đương đại.

Các tranh đều do nghệ nhân Kỳ Hữu Phước khắc và chế bản, ông là người cuối cùng của dòng tranh này biết chế tác và khắc tranh đúng với bản sắc văn hóa dân gian làng Sình. Công đoạn làm tranh đòi hỏi nhiều kỹ thuật phức tạp, lao động khá vất vả, kỹ xảo, kỹ thuật cao và hiểu biết tường tận về dòng tranh này mới có thể khắc thành công được.

*

* * *

Tranh dân gian làng Sình với những yếu tố về tâm linh, những yếu tố rất huyền bí mà mộc mạc là những đề tài có thể ứng dụng trong sáng tác tranh hiện đại. Các nghệ nhân làng Sình đã thực sự cho mọi người thấy nghề in tranh thờ dân gian làng Sình cần phải được lưu giữ, bởi vì tranh làng Sình thực sự là những tác phẩm hội họa có giá trị, chúng được hình thành, phát triển và truyền qua bao năm tháng thăng trầm của lịch sử.

Tranh làng Sình không chỉ hàm chứa các yếu tố tâm linh thuần khiết, niềm tin vào thế giới siêu nhiên, vào sức mạnh của tự nhiên, thần linh mà ẩn chứa bên trong là tính biểu hiện tâm linh, là sự phản ánh những sắc

diện thẩm mỹ tinh tế về Huế, về lòng thành với tổ tiên và khát vọng cuộc sống tốt đẹp, bình yên của con người. Tranh làng Sinh có những cái riêng, có dấu ấn bản sắc của một vùng văn hóa, chúng bộc lộ về thế giới nội tâm-tâm linh sâu lắng, chan chứa tình cảm và sức sống của con người xứ Huế. Việc tinh lọc những yếu tố tâm linh, thờ cúng và hướng đến phục vụ văn hóa, du lịch và mở rộng sự biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật của tranh thờ trong đời sống thẩm mỹ ngày nay là rất cần thiết. GS, TS Ngô Đức Thịnh khẳng định: “Tranh thờ là một di sản văn hóa cổ truyền chứa đựng giá trị nhiều mặt, do vậy chúng ta cần phải lưu giữ và bảo tồn chúng khỏi sự “phá hoại” của thời gian và của chính thành kiến của con người”[4: 404]. Nếu làm khác đi thì tranh thờ cúng sẽ không còn ý nghĩa gì nữa, nhưng đáng lo ngại hơn là sự va đập của đời sống hiện đại đang làm mờ dần ký ức về một làng tranh như GS, TS Tô Ngọc Thanh đã cảnh báo: “Sự kiện xã hội đang công nghiệp hóa và đô thị hóa tạo ra những điều không thuận lợi cho việc bảo tồn”[2:17]. Việc nghiên cứu kế thừa nghệ in tranh làng Sinh không chỉ góp phần làm rạng rỡ sắc màu văn hóa truyền thống Huế mà qua đó chúng càng nhấn mạnh vị trí trân trọng xứng đáng của dòng tranh dân gian làng Sinh trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam.

T S L - P T B

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đức Dương (2000). *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Tô Ngọc Thanh (2007). “Văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, vai trò, địa vị của nó, trách nhiệm của chúng ta và giải pháp”. *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*. Viện Văn hóa, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
3. Chu Quang Trứ (2000). *Văn hóa mỹ thuật Huế*, Nxb Mỹ thuật.
4. Ngô Đức Thịnh (2007). *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền*, Viện Văn hóa, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.

TÓM TẮT

Tranh làng Sinh (tên chữ là làng Lại Ân, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế) thuộc dòng tranh dân gian đã tồn tại hơn 400 năm qua nhiều thăng trầm của lịch sử. Đây là dòng tranh phục vụ cho việc thờ cúng với hình tượng mang tính tượng trưng, đường nét, mảng khối và màu sắc đơn giản nhưng thể hiện được nội dung tâm linh sâu sắc.

Tranh dân gian làng Sinh mang những yếu tố thẩm mỹ quý giá cần được tiếp thu, kế thừa trong sáng tác tranh hiện đại để tạo ra những giá trị nghệ thuật với chất liệu mới, vừa hiện đại vừa có tính truyền thống dân tộc. Việc nghiên cứu kế thừa nghệ in tranh làng Sinh không chỉ góp phần làm rạng rỡ sắc màu văn hóa truyền thống xứ Huế mà còn nhấn mạnh vị trí trân trọng của dòng tranh này trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam.

ABSTRACT

EXPRESSION OF PLASTIC ARTS IN FOLK PAINTINGS OF SINH VILLAGE- INHERITATION AND CREATION

The paintings of Sinh village (the official name is Lại Ân village, Phú Mậu, Phú Vang, Thừa Thiên Huế) is a folk painting school that has existed for more than 400 years through the ups and downs of history. This painting school serves religious purposes. It represents symbolic images with only simple masses and colors but can express profound spiritual notions. The Sinh village painting school boasts valuable aesthetic elements that should be learnt and inherited in the modern painting so as to create artistic values with a new material, typical of both modern and traditional arts. Studies on this art will not only contribute to bestow honor on the traditional culture of Huế but also helps assert the honorable position this school of art should deserve in the history of Vietnamese Arts.